

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 1991/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 06/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2016 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 267/HĐND-VP ngày 30/6/2016;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 180/TTr-SKHĐT ngày 13/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 cho UBND các huyện và các Chủ đầu tư cụ thể như sau:

Tổng số vốn Trái phiếu Chính phủ năm 2016 là: 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng chẵn) (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. UBND tỉnh giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

1- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Giao thông - Vận tải trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, Chủ đầu tư triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2- Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh hướng dẫn việc thanh toán, giải ngân và quyết toán vốn theo quy định, đảm bảo thuận lợi cho cơ sở và công tác tổng hợp, báo cáo, quyết toán nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ của các đơn vị, Chủ đầu tư.

3- Chủ tịch UBND các huyện: Căn cứ mức vốn được giao tại Mục B Phụ lục kèm theo Quyết định này và trên cơ sở đề xuất của UBND các xã, lựa chọn tối đa không quá 02 công trình/xã để phân khai chi tiết đến danh mục công trình cho lĩnh vực giao thông thôn, buôn và kênh mương nội đồng theo đúng quy định tại Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh, trong đó ưu tiên cho kênh mương nội đồng và địa bàn đầu tư



là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức huy động, lồng ghép với vốn Chương trình 135 kế hoạch năm 2016 và các nguồn vốn khác để thực hiện đúng phân vốn có trong năm kế hoạch, không được vượt khối lượng để phát sinh nợ mới. Báo cáo việc phân khai chi tiết về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp (Qua Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh) trước ngày 25/7/2016.

Định kỳ báo cáo việc thực hiện kế hoạch về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Văn phòng Điều phối của tỉnh) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4- Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc UBND các huyện trong việc phân khai chi tiết nguồn vốn này cho các danh mục công trình (Phần vốn được giao tại Mục B, Phụ lục kèm theo) theo đúng quy định.

Điều 3. Thời gian thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn Trái phiếu Chính phủ kế hoạch 2016 đến ngày 31/12/2017.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, các Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /-u

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NNPTNT (b/c);
- VPĐP CTMTQGXD NTM TƯ (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-80b)



Phạm Ngọc Nghị



Phụ lục:

KẾ HOẠCH PHÂN BỐ VỐN TPCP NĂM 2016 CHO 45 XÃ KHU VỰC III - CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Quyết định số: 1991 /QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án/Đơn vị	Tổng TC đạt	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí đến năm 2016	Vốn TPCP kế hoạch năm 2016	Ghi chú	
						Số Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư				
							Tổng số	NST			
	TỔNG CỘNG (45 xã khu vực III):						27.663	24.119	12.692	71.000	
A	Bố trí cho các dự án theo tổng mức đầu tư						27.663	24.119	12.692	7.454	
	Dự án đã bàn giao đưa vào sử dụng và phê duyệt quyết toán						11.470	10.746	7.692	3.054	
I	Huyện Lắk		Lắk				9.123	9.123	7.392	1.731	
1	Xã Bông Krang	5					9.123	9.123	7.392	1.731	
1.1	Công trình Thủy lợi hồ Đăk Búk, xã Bông Krang, huyện Lắk		Xã Bông Krang		UBND H. Lắk	773/QĐ-UBND 23/3/2016	9.123	9.123	7.392	1.731	QT
II	Huyện Krông Năng		Krông Năng				2.347	1.623	300	1.323	
1	Xã Ea Đăh	7					2.347	1.623	300	1.323	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước tập trung xã Ea Đăh, huyện Krông Năng (hỗ trợ hết phần CTMTOG còn thiếu)		Xã Ea Đăh		UBND H. Kr. Năng	1679/QĐ-UBND 05/6/2015	2.347	1.623	300	1.323	QT (CV số 2774/UBND-TH ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh)
	Dự án chuyển tiếp						9.399	6.579	5.000	1.400	
III	Huyện Buôn Đôn		Buôn Đôn				9.399	6.579	5.000	1.400	
1	Xã Ea Nuôl	7					9.399	6.579	5.000	1.400	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Hòa Nam 1, xã Ea Nuôl, H. Buôn Đôn (CTMTQG 70%)		Ea Nuôl		UBND H. B. Đôn	4027/QĐ-UBND 22/10/2015	9.399	6.579	5.000	1.400	D.kiến HT 2016 (bố trí 95% NST)
	Dự án mở mới						6.794	6.794	-	3.000	
V	Huyện Krông Bông		Krông Bông				6.794	6.794	-	3.000	

TT	Tên công trình, dự án/Đơn vị	Tổng TC đạt	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí đến năm 2016	Vốn TPCP kế hoạch năm 2016	Ghi chú	
						Số Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư				
							Tổng số	NST			
1	Xã Cư Đrăm	5					6.794	6.794	-	3.000	
1.1	Trụ sở HĐND và UBND xã (CTMTQG và NST cho CTMTQG 100%)		Cư Đrăm		UBND H. Kr. Bông	702/QĐ-UBND 28/3/2016	6.794	6.794	-	3.000	MM (Biên bản họp các ngành thống nhất và ĐX ngày 11/6/2014)
Hỗ trợ một lần cho các xã để xây dựng đường giao thông thôn, buôn và kênh mương nội đồng theo Nghị quyết 173/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và thực hiện theo thiết kế mẫu							-	-	-	63.546	
B kế mẫu											
I	Huyện Buôn Đôn		Buôn Đôn			-	-	-	-	6.000	
1	Xã Ea Huar	6			UBND xã				-	1.500	
2	Xã Ea Wer	6			UBND xã				-	1.500	
3	Xã Krông Na	7			UBND xã				-	1.500	
4	Xã Cuôr Knia	8			UBND xã				-	1.500	
II Huyện Ea Súp			Ea súp				-	-	-	10.200	
1	Xã Ea Bung	7			UBND xã				-	1.500	
2	Xã Ia Rvê	3			UBND xã				-	1.800	Xã dưới 5TC
3	Xã Ia Lốp	4			UBND xã				-	1.800	Xã dưới 5TC
4	Xã Cư Kbang	4			UBND xã				-	1.800	Xã dưới 5TC
5	Xã Ya Tờ Mốt	4			UBND xã				-	1.800	Xã dưới 5TC
6	Xã Ia Jloi	5			UBND xã				-	1.500	
III Huyện Krông Bông			Krông Bông				-	-	-	7.500	
1	Xã Yang Mao	5			UBND xã				-	1.500	
2	Xã Cư Pui	6			UBND xã				-	1.500	
3	Xã Dang Kang	6			UBND xã				-	1.500	
4	Xã Ea Trul	7			UBND xã				-	1.500	
5	Xã Yang Reh	6			UBND xã				-	1.500	
IV. Huyện Lắk			Lắk				-	-	-	8.700	
1	Xã Nam Ka, huyện Lắk	5			UBND xã				-	1.500	
2	Xã Ea R'Bin, huyện Lắk	5			UBND xã				-	1.500	
3	Xã Yang Tao, huyện Lắk	6			UBND xã				-	1.500	

TT	Tên công trình, dự án/Đơn vị	Tổng TC đạt	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí đến năm 2016	Vốn TPCP kế hoạch năm 2016	Ghi chú	
						Số Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư				
							Tổng số				NST
4	Xã Đăk Nuê, huyện Lắk	7			UBND xã				1.500		
5	Xã Krông Nô, huyện Lắk	6			UBND xã			-	1.200	Vốn CTNTM KH 2016 đã hỗ trợ: 1.000 tr.đ. Lồng ghép với vốn CT NTM đã giao tại QĐ 1007/QĐ-UBND ngày 14/4/2016 của UBND tỉnh	
6	Xã Đăk Phoi, huyện Lắk	6			UBND xã				1.500		
	Huyện M'Drăk		M'Drăk				-	-	-	9.300	
1	Xã Krông Jing, huyện M'drăk	6			UBND xã			-	1.500		
2	Xã Cư M'ia, huyện M'drăk	7			UBND xã			-	1.500		
3	Xã Cư Pao, huyện M'drăk	8			UBND xã			-	1.500		
4	Xã Ea Trang, huyện M'drăk	5			UBND xã			-	1.500		
5	Xã Krông Á, huyện M'drăk	5			UBND xã			-	1.500		
6	Xã Cư San, huyện M'drăk	3			UBND xã			-	1.800	Xã dưới 5TC	
VI	Huyện Krông Búk		Krông Búk				-	-	-	2.146	
1	Xã Ea Sin, huyện Krông Búk	4			UBND xã			-	2.146	Xã dưới 5 TC	
VII	Huyện Krông Năng		Krông Năng				-	-	-	3.000	
1	Xã Ea Puk	10			UBND xã			-	1.500		
2	Xã Cư Klông	8			UBND xã			-	1.500		
VIII	Huyện Cư Kuin		Cư Kuin						-	1.200	
1	Xã Cư Ê Wi	5			UBND xã				1.200	Vốn TPCP cho NTM KH 2015 đã hỗ trợ 1.000 tr.đồng	
IX	Huyện Cư M'gar		Cư M'gar				-	-	-	1.800	
1	Xã Ea M'Drôh	10			UBND xã			0	1.800	Tr.đó: Bố trí hỗ trợ một lần 300 tr.đ để xây dựng các Hạng mục: Cổng, tường rào... của Nhà SHCĐ Buôn Ea M'doh	
X	Huyện Ea H'leo		Ea H'leo				-	-	-	1.700	
1	Xã Ea Tir	8			UBND xã			-	1.700		
XI	Huyện Ea Kar		Ea Kar				-	-	-	7.500	
1	Xã Cư Bông	8			UBND xã			-	1.500		
2	Xã Cư Elang	6			UBND xã			-	1.500		
3	Xã Cư Prông	7			UBND xã			-	1.500		

TT	Tên công trình, dự án/Đơn vị	Tổng TC đạt	Địa điểm đầu tư	Quy mô	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí đến năm 2016	Vốn TPCP kế hoạch năm 2016	Ghi chú	
						Số Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư				
							Tổng số				NST
4	Xã Cư Yang	9			UBND xã				-	1.500	
5	Xã Ea Sô	6			UBND xã				-	1.500	
XII	Huyện Krông Pắc		Krông Pắc				-	-	-	4.500	
1	Xã Vụ Bồn	11			UBND xã				-	1.500	
2	Xã Ea Uy	12			UBND xã				-	1.500	
3	Xã Ea Yêng	6			UBND xã				-	1.500	